

## PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA

### NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG CÂY LÂU NĂM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1505/QĐ – TCTK ngày 18 tháng 10 năm 2019  
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)

#### 1. Mục đích, yêu cầu điều tra

##### 1.1. Mục đích điều tra

Cuộc điều tra thu thập thông tin tình hình sản xuất cây lâu năm, làm cơ sở đánh giá kết quả hoạt động trồng trọt từng loại cây lâu năm trên phạm vi cả nước; tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, các chỉ tiêu thống kê cấp quốc gia, cấp tỉnh của ngành trồng trọt. Đáp ứng yêu cầu thông tin phục vụ quản lý, cân đối tiêu dùng; lập kế hoạch, quy hoạch, hoạch định chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp của các cấp, các ngành. Làm cơ sở nghiên cứu, đánh giá việc ứng dụng tiên bộ khoa học, kỹ thuật, việc sử dụng hóa chất trong nông nghiệp, tính liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cây lâu năm và đáp ứng nhu cầu thông tin của đối tượng dùng tin khác.

##### 1.2. Yêu cầu điều tra

Công tác tổ chức, thu thập thông tin, xử lý số liệu, tổng hợp, công bố và lưu trữ dữ liệu cuộc điều tra phải được thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của Phương án điều tra.

Đảm bảo thu thập thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, phù hợp với điều kiện thực tế và có tính khả thi.

Bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê.

Quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra đúng chế độ hiện hành.

#### 2. Phạm vi, đối tượng, đơn vị điều tra

##### 2.1. Phạm vi điều tra

- Theo phạm vi lãnh thổ: Cuộc điều tra được tiến hành tại tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) có hoạt động sản xuất cây lâu năm.

- Theo loại hình kinh tế: Thực hiện điều tra tất cả các loại hình kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế ngoài nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

##### 2.2. Đối tượng điều tra

Các loại cây lâu năm được sản xuất trên địa bàn.

### **2.3. Đơn vị điều tra**

Đơn vị điều tra là các chủ thể dưới đây có hoạt động sản xuất cây lâu năm trong 12 tháng trước thời điểm điều tra:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp (viện nghiên cứu, trung tâm giống cây trồng...);
- Hộ gia đình.

### **3. Loại điều tra**

Cuộc điều tra được thực hiện kết hợp giữa điều tra toàn bộ và điều tra chọn mẫu.

#### **3.1. Điều tra toàn bộ**

Điều tra toàn bộ được thực hiện đối với các đơn vị là doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp (sau đây viết tắt là DN/HTX/ĐVSN).

#### **3.2. Điều tra chọn mẫu**

Điều tra chọn mẫu áp dụng đối với các hộ gia đình.

Quy mô, phương pháp chọn mẫu, phân bổ mẫu theo từng loại cây trọng điểm và nhóm cây lâu năm khác ngoài cây trọng điểm quy định tại Phụ lục 01.

### **4. Thời điểm, thời gian và phương pháp điều tra**

#### **4.1. Thời điểm điều tra**

Thời điểm điều tra: 01/12 hằng năm.

Đối với một số cây lâu năm trọng điểm có thể tổ chức điều tra ngay sau khi kết thúc vụ thu hoạch.

#### **4.2. Thời kỳ thu thập thông tin**

- Số liệu thời điểm: Tại thời điểm 01/12 năm điều tra.
- Số liệu thời kỳ: Phát sinh thực tế trong 12 tháng trước thời điểm điều tra, từ 01/12 năm trước đến 30/11 năm điều tra.

**4.3. Thời gian điều tra:** 10 ngày, bắt đầu từ thời điểm điều tra.

#### **4.4. Phương pháp điều tra**

Áp dụng hai phương pháp dưới đây để thu thập thông tin:

##### **4.4.1. Thu thập số liệu trực tiếp**

Thực hiện thu thập số liệu trực tiếp đối với hộ.

Điều tra viên đến từng hộ thực hiện phỏng vấn trực tiếp người nắm được thông tin về hoạt động sản xuất, tiêu dùng, bán ra sản phẩm cây lâu năm của hộ và ghi vào phiếu điều tra.

##### **4.4.2. Thu thập số liệu gián tiếp**

Thực hiện thu thập số liệu gián tiếp đối với DN/HTX/ĐVSN.



Cục Thống kê hoặc Chi cục Thống kê giải thích, hướng dẫn phương pháp ghi phiếu điều tra cho đơn vị được điều tra; đơn vị được cấp tài khoản và mật khẩu để đăng nhập và tự cung cấp thông tin vào phiếu điều tra trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê; hoặc, đơn vị tự ghi phiếu (phiếu giấy hoặc file mềm) gửi về cơ quan Thống kê địa phương.

## **5. Nội dung, phiếu điều tra**

### **5.1. Nội dung điều tra**

Cuộc điều tra nhằm thu thập thông tin:

- Diện tích trồng tập trung tại thời điểm điều tra;
- Diện tích trồng mới trong 12 tháng qua có đến thời điểm điều tra;
- Diện tích trồng tập trung cho sản phẩm trong kỳ điều tra;
- Diện tích được cơ giới hóa (làm đất, thu hoạch, phun thuốc bảo vệ thực vật...) trong 12 tháng qua;
- Diện tích có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, điều tiết sinh trưởng trong 12 tháng qua;
- Diện tích có sử dụng phân bón hóa học trong 12 tháng qua;
- Diện tích tại thời điểm điều tra có liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm;
- Loại giống cây trồng;
- Năm bắt đầu trồng vườn cây (áp dụng với cây điều, cao su, hồ tiêu, cà phê);
- Số lượng cây trồng trên diện tích trồng tập trung;
- Số cây phân tán cho sản phẩm tại thời điểm điều tra;
- Sản lượng thu hoạch trong 12 tháng qua;
- Sản lượng để lại tiêu dùng tại hộ;
- Sản lượng và doanh thu từ sản phẩm bán ra trong 12 tháng qua;
- Diện tích các vườn cây lâu năm thanh lý trong 12 tháng qua;
- Sản lượng gỗ cây lâu năm thanh lý trong 12 tháng qua;
- Sản lượng sản phẩm phụ cây lâu năm (gỗ thanh lý, củi, lá...);
- Doanh thu từ sản phẩm phụ cây lâu năm bán ra (gỗ thanh lý, củi, lá...);
- Chi phí trồng mới, kiến thiết cơ bản cây lâu năm trọng điểm.

### **5.2. Phiếu điều tra**

Trong cuộc điều tra này sử dụng 4 loại phiếu, bao gồm:

- Phiếu số 1/NSSL-LNTĐ-HO: Phiếu thu thập thông tin cây lâu năm trọng điểm của hộ;
- Phiếu số 2/NSSL-LNK-HO: Phiếu thu thập thông tin cây lâu năm khác của hộ;
- Phiếu số 3/NSSL-LN-DN: Phiếu thu thập thông tin cây lâu năm của doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp;

- Phiếu số 4/CP-LNTĐ-HO: Phiếu thu thập thông tin chi phí trồng mới và kiến thiết cơ bản cây lâu năm trọng điểm.

## **6. Phân loại thông kê sử dụng trong điều tra**

Các bảng phân loại được áp dụng trong cuộc điều tra này gồm:

- Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ;
- Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ;
- Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật đến thời điểm điều tra.

## **7. Quy trình xử lý và biểu đầu ra của điều tra**

### **7.1. Quy trình xử lý thông tin**

Đối với phiếu giấy: Kết thúc giai đoạn thu thập thông tin, phiếu điều tra được gửi về Chi cục Thống kê để kiểm tra, làm sạch, đánh mã; Cục Thống kê nghiệm thu số lượng, chất lượng. Cục Thống kê tổ chức nhập thông tin từ phiếu giấy trên chương trình phần mềm thống nhất do Tổng cục Thống kê xây dựng. Thông tin của phiếu điều tra trực tuyến được cập nhật tự động vào phần mềm và cơ sở dữ liệu chung của cuộc điều tra.

Đối với Phiếu trực tuyến: Thông tin trên phiếu trực tuyến được lưu trữ trên máy chủ của Tổng cục Thống kê sau khi đơn vị điều tra hoàn thành tự điền thông tin. Dữ liệu điều tra sẽ được kiểm tra số lượng, chất lượng và tích hợp vào cơ sở dữ liệu chung của cuộc điều tra phục vụ cho công tác làm sạch, xử lý, tổng hợp kết quả.

Cục Thống kê kiểm tra, xử lý, giải trình, báo cáo kết quả điều tra. Cơ sở dữ liệu của cuộc điều tra được quản lý thống nhất tại Tổng cục Thống kê.

### **7.2. Tổng hợp, suy rộng kết quả điều tra**

Kết quả điều tra được tổng hợp và suy rộng cho cấp tỉnh.

Tùy theo yêu cầu chỉ đạo sản xuất cây lâu năm của địa phương, các tỉnh lựa chọn có thực hiện điều tra năng suất, sản lượng cây lâu năm theo giống cây hay không và chủ động tổng hợp số liệu.

7.2.1. Tổng hợp kết quả điều tra của các đơn vị là doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp theo loại hình kinh tế.

Kết quả điều tra được tổng hợp từ Phiếu số 3/NSSL-LN-DN đối với các chỉ tiêu sau:

- Diện tích cây lâu năm trồng tập trung hiện có, diện tích cây lâu năm trồng tập trung cho sản phẩm phân theo loại cây;
- Sản lượng cây lâu năm phân theo loại cây.

7.2.1.1. Tổng hợp diện tích theo từng loại hình kinh tế (nhà nước, ngoài nhà nước, có vốn đầu tư nước ngoài), theo từng loại đơn vị (DN, HTX, ĐVSN) và theo từng loại cây

- Tổng hợp diện tích trồng tập trung hiện có.

Công thức tính:

$$Dd_j = \sum_{i=1}^m d_{ij} \quad j = \overline{1, n} \quad (1)$$

Trong đó:

+  $Dd_j$ : Diện tích cây lâu năm trồng tập trung  $j$  của DN/HTX/ĐVSN theo từng loại hình kinh tế trong kỳ điều tra trên phạm vi toàn tỉnh, tính bằng ha;

+  $d_{ij}$ : Diện tích cây lâu năm trồng tập trung  $j$  của DN/HTX/ĐVSN thứ  $i$  theo từng loại hình kinh tế trong kỳ điều tra, tính bằng ha.

- Tổng hợp diện tích trồng mới, diện tích trồng tập trung cho sản phẩm theo từng loại hình kinh tế, theo từng loại đơn vị và theo từng loại cây trên phạm vi toàn tỉnh áp dụng công thức (1).

7.2.1.2. Tổng hợp sản lượng theo từng loại hình kinh tế, theo từng loại đơn vị và theo từng loại cây

Tổng hợp sản lượng sản phẩm cây lâu năm.

Công thức tính:

$$Sd_j = \sum_{i=1}^m sd_{ij} \quad j = \overline{1, n} \quad (2)$$

Trong đó:

+  $Sd_j$ : Sản lượng cây lâu năm  $j$  của DN/HTX/ĐVSN theo từng loại hình kinh tế trong kỳ điều tra trên phạm vi toàn tỉnh, tính bằng tấn;

+  $sd_{ij}$ : Sản lượng sản phẩm cây lâu năm  $j$  của DN/HTX/ĐVSN thứ  $i$  trong kỳ điều tra, tính bằng tấn.

7.2.2. Suy rộng kết quả điều tra mẫu

Sử dụng kết quả cuộc Điều tra diện tích cây trồng nông nghiệp và Điều tra năng suất, sản lượng cây lâu năm để suy rộng kết quả điều tra, bao gồm: sản lượng cây lâu năm trồng tập trung trên diện tích cho sản phẩm; sản lượng cây phân tán cho sản phẩm; sản lượng thu bói trên diện tích đang trong thời kỳ kiến thiết cơ bản.

7.2.2.1 Suy rộng sản lượng cây lâu năm trồng tập trung trên diện tích cho sản phẩm theo từng loại cây

7.2.2.1.1. Tính năng suất cây lâu năm theo từng loại cây của mẫu điều tra

Công thức tính:



$$\bar{x}_j = \frac{\sum_{i=1}^m sm_{ij}}{\sum_{i=1}^m dm_{ij}} * 100 \quad j = \overline{1, n} \quad (3)$$

Trong đó:

+  $\bar{x}_j$ : Năng suất bình quân một ha cây lâu năm j trên diện tích trồng tập trung cho sản phẩm của mẫu điều tra trong kỳ điều tra, tính bằng tạ/ha;

+  $sm_{ij}$ : Sản lượng sản phẩm cây lâu năm j trên diện tích trồng tập trung cho sản phẩm của hộ mẫu thứ i trong kỳ điều tra, tính bằng kg;

+  $dm_{ij}$ : Diện tích cây lâu năm j trồng tập trung cho sản phẩm của hộ mẫu thứ i trong kỳ điều tra, tính bằng m<sup>2</sup>.

Lưu ý: Đối với cây lâu năm khác (ngoài cây trọng điểm của tỉnh): Kết quả thu thập thông tin đối với cây lâu năm j đạt từ 30 mẫu trở lên thì áp dụng công thức (3); nếu đạt dưới 30 mẫu thì áp dụng phương pháp chuyên gia để ước tính năng suất bình quân của cây lâu năm j.

7.2.2.1.2. Suy rộng sản lượng cây lâu năm theo từng loại cây trên diện tích trồng tập trung cho sản phẩm của hộ/tổ chức khác trong kỳ điều tra trên phạm vi toàn tỉnh

Công thức tính:

$$Ssr_j = \bar{x}_j * D_j * \frac{1}{10} \quad j = \overline{1, n} \quad (4)$$

Trong đó:

+  $Ssr_j$ : Sản lượng suy rộng cây lâu năm j trên diện tích trồng tập trung cho sản phẩm của hộ/tổ chức khác toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

+  $\bar{x}_j$ : Năng suất bình quân một ha cây lâu năm j trên diện tích trồng tập trung cho sản phẩm của mẫu điều tra trong kỳ điều tra, tính bằng tạ/ha;

+  $D_j$ : Diện tích cây lâu năm j trồng tập trung cho sản phẩm của hộ/tổ chức khác toàn tỉnh trong kỳ điều tra (được tổng hợp từ kết quả điều tra diện tích cây trồng nông nghiệp), tính bằng ha.

7.2.2.2. Suy rộng sản lượng cây lâu năm trồng phân tán cho sản phẩm của tỉnh theo từng loại cây

7.2.2.2.1. Tính mật độ cây trồng bình quân một ha theo từng loại cây của các đơn vị điều tra

Công thức tính:

$$\bar{M}_j = \frac{\sum_{i=1}^m M_{ij}}{\sum_{i=1}^m d_{ij}} * 10000 \quad j = \overline{1, n} \quad (5)$$

Trong đó:

+  $\bar{M}_j$ : Mật độ cây trồng bình quân một ha cây lâu năm  $j$  của tỉnh, tính bằng cây/ha;

+  $M_{ij}$ : Số cây lâu năm  $j$  trên diện tích trồng tập trung cho sản phẩm trong kỳ điều tra của đơn vị điều tra thứ  $i$ , tính bằng cây;

+  $d_{ij}$ : Diện tích cây lâu năm  $j$  trồng tập trung cho sản phẩm trong kỳ điều tra của đơn vị điều tra thứ  $i$ , tính bằng  $m^2$ .

7.2.2.2. Quy đổi số cây trồng phân tán cho sản phẩm về diện tích cho sản phẩm toàn tỉnh theo từng loại cây

Công thức tính:

$$Dp_j = \frac{N_j}{\bar{M}_j} \quad j = \overline{1, n} \quad (6)$$

Trong đó:

+  $Dp_j$ : Diện tích quy đổi từ số lượng cây lâu năm trồng phân tán  $j$  của tỉnh, tính bằng ha;

+  $N_j$ : Số cây lâu năm  $j$  trồng phân tán cho sản phẩm của các hộ trong tỉnh tại thời điểm điều tra (sử dụng kết quả cuộc Tổng điều tra/Điều tra giữa kỳ nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm gần nhất để ước tính, có điều chỉnh tăng giảm theo tình hình thực tế của địa phương), tính bằng cây;

+  $\bar{M}_j$ : Mật độ cây trồng bình quân một ha cây lâu năm  $j$  của tỉnh, tính bằng cây/ha.

7.2.2.2.3. Suy rộng sản lượng cây lâu năm trồng phân tán cho sản phẩm của tỉnh theo từng loại cây

Công thức tính:

$$Sp_j = \bar{x}_j * Dp_j * \frac{1}{10} \quad j = \overline{1, n} \quad (7)$$

Trong đó:

+  $Sp_j$ : Sản lượng cây lâu năm trồng phân tán  $j$  trong kỳ điều tra của toàn tỉnh, tính bằng tấn;

+  $\bar{x}_j$ : Năng suất bình quân một ha cây lâu năm  $j$  trên diện tích trồng tập trung cho sản phẩm của mẫu điều tra trong kỳ điều tra, tính bằng tạ/ha;

+  $Dp_j$ : Diện tích quy đổi cây lâu năm  $j$  trồng phân tán của tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng ha.



### 7.2.2.3. Suy rộng sản lượng cây lâu năm thu bóỉ toàn tỉnh

Công thức tính:

$$Sb_j = Ssr_j * \frac{\sum_{i=1}^m sb_{ij}}{\sum_{i=1}^m sx_{ij}} \quad j = \overline{1, n} \quad (8)$$

Trong đó:

+  $Sb_j$ : Sản lượng cây lâu năm  $j$  thu bóỉ của toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

+  $Ssr_j$ : Sản lượng suy rộng cây lâu năm  $j$  trên diện tích trồng tập trung cho sản phẩm của hộ/tổ chức khác toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

+  $sb_{ij}$ : Sản lượng cây lâu năm  $j$  thu bóỉ trên diện tích trồng tập trung đang trong thời kỳ kiến thiết cơ bản của hộ mẫu thứ  $i$  trong kỳ điều tra, tính bằng kg;

+  $sx_{ij}$ : Sản lượng thu hoạch cây lâu năm  $j$  trên diện tích trồng tập trung cho sản phẩm của hộ mẫu thứ  $i$  trong kỳ điều tra, tính bằng kg.

### 7.2.3. Tổng hợp sản lượng cây lâu năm toàn tỉnh theo từng loại cây

#### 7.2.3.1. Tổng hợp sản lượng cây lâu năm theo từng loại cây của hộ, tổ chức khác

Tổng sản lượng cây lâu năm theo loại cây của hộ, tổ chức khác được cộng từ sản lượng trên diện tích trồng tập trung, sản lượng thu bóỉ, sản lượng cây phân tán của hộ, tổ chức khác trên địa bàn tỉnh.

Công thức tính:

$$Sh_j = Ssr_j + Sp_j + Sb_j \quad j = \overline{1, n} \quad (9)$$

Trong đó:

+  $Sh_j$ : Sản lượng sản phẩm cây lâu năm  $j$  của hộ/tổ chức khác trên địa bàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

+  $Ssr_j$ : Sản lượng cây lâu năm  $j$  trên diện tích trồng tập trung cho sản phẩm của hộ/tổ chức khác toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

+  $Sp_j$ : Sản lượng sản phẩm cây lâu năm  $j$  trồng phân tán toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

+  $Sb_j$ : Sản lượng cây lâu năm  $j$  thu bóỉ toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn.

#### 7.2.3.2. Tổng hợp sản lượng cây lâu năm toàn tỉnh theo từng loại cây

Sản lượng cây lâu năm toàn tỉnh theo từng loại hình kinh tế và theo từng loại cây lâu năm được cộng từ sản lượng của DN/HTX/ĐVSN với sản lượng của hộ/tổ chức khác.

Công thức tính:



$$St_j = Sd_j + Sh_j \quad j = \overline{1, n} \quad (10)$$

Trong đó:

+  $St_j$ : Sản lượng sản phẩm cây lâu năm  $j$  của tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

+  $Sd_j$ : Sản lượng sản phẩm cây lâu năm  $j$  của DN/HTX/ĐVSN toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

+  $Sh_j$ : Sản lượng sản phẩm cây lâu năm  $j$  của hộ/tổ chức khác toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn.

### 7.3. Tính các chỉ tiêu chuyên đề

7.3.1. Tỷ lệ diện tích được cơ giới hóa, sử dụng phân bón hóa học, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm (gọi tắt là tỷ lệ CGH/PHH/BVTV/LK) của các đơn vị điều tra trên địa bàn tỉnh

#### 7.3.1.1 Tỷ lệ CGH/PHH/BVTV/LK của DN/HTX/ĐVSN

Tính riêng từng chỉ tiêu theo từng loại cây.

Công thức tính:

$$Zd_j = \frac{\sum_{i=1}^m dzd_{ij}}{\sum_{i=1}^m dd_{ij}} * 100 \quad j = \overline{1, n} \quad (11)$$

Trong đó:

+  $Zd_j$ : Tỷ lệ diện tích cây lâu năm  $j$  trong kỳ điều tra của DN/HTX/ĐVSN trên địa bàn tỉnh được CGH/PHH/BVTV/LK, tính bằng %;

+  $dzd_{ij}$ : Diện tích cây lâu năm  $j$  trồng tập trung của DN/HTX/ĐVSN thứ  $i$  trong kỳ điều tra được CGH/PHH/BVTV/LK, tính bằng ha;

+  $dd_{ij}$ : Diện tích cây lâu năm  $j$  trồng tập trung trong kỳ điều tra của DN/HTX/ĐVSN thứ  $i$ , tính bằng ha.

#### 7.3.1.2 Tỷ lệ CGH/PHH/BVTV/LK của hộ mẫu

Tính riêng từng chỉ tiêu theo từng loại cây.

Công thức tính:

$$Zh_j = \frac{\sum_{i=1}^m dzh_{ij}}{\sum_{i=1}^m dh_{ij}} * 100 \quad j = \overline{1, n} \quad (12)$$

Trong đó:

+  $Zh_j$ : Tỷ lệ diện tích cây lâu năm  $j$  trong kỳ điều tra của các hộ mẫu trên địa bàn tỉnh được CGH/PHH/BVTV/LK, tính bằng %;

+  $d_{zh_{ij}}$ : Diện tích cây lâu năm  $j$  trồng tập trung của hộ mẫu thứ  $i$  trong kỳ điều tra được CGH/PHH/BVTV/LK, tính bằng ha;

+  $d_{h_{ij}}$ : Diện tích cây lâu năm  $j$  trồng tập trung trong kỳ điều tra của hộ mẫu thứ  $i$ , tính bằng ha.

### 7.3.1.3 Tỷ lệ CGH/PHH/BVTV/LK của tỉnh

Tính riêng từng chỉ tiêu theo từng loại cây.

Công thức tính:

$$Z_j = \frac{Zd_j * Dd_j + Zh_j * Dh_j}{Dt_j} * 100 \quad j = \overline{1, n} \quad (13)$$

Trong đó:

+  $Z_j$ : Tỷ lệ diện tích cây lâu năm  $j$  trong kỳ điều tra của tỉnh được CGH/PHH/BVTV/LK, tính bằng %;

+  $Zd_j$ : Tỷ lệ diện tích cây lâu năm  $j$  trong kỳ điều tra của DN/HTX/ĐVSN trên địa bàn tỉnh được CGH/PHH/BVTV/LK, tính bằng %;

+  $Zh_j$ : Tỷ lệ diện tích cây lâu năm  $j$  trong kỳ điều tra của các hộ mẫu trên địa bàn tỉnh được CGH/PHH/BVTV/LK, tính bằng %;

+  $Dt_j$ : Diện tích cây lâu năm  $j$  của tỉnh trong kỳ điều tra được cộng từ diện tích cây lâu năm của DN/HTX/ĐVSN với diện tích cây lâu năm của hộ/tổ chức khác, tính bằng ha;

+  $Dd_j$ : Diện tích cây lâu năm  $j$  của DN/HTX/ĐVSN toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng ha;

+  $Dh_j$ : Diện tích cây lâu năm  $j$  của hộ/tổ chức khác toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng ha.

### 7.3.2. Tỷ lệ diện tích cây lâu năm phân theo độ tuổi (điều, hồ tiêu, cao su, cà phê) của các đơn vị điều tra

Tính cho mỗi độ tuổi đối với từng loại cây của tỉnh.

Công thức tính:

$$Z_{t_j} = \frac{\sum_{i=1}^m dt_{ij}}{\sum_{i=1}^m d_{ij}} * 100 \quad j = \overline{1, n} \quad (14)$$

Trong đó:

+  $Z_{t_j}$ : Tỷ lệ diện tích cây lâu năm  $j$  theo độ tuổi trong kỳ điều tra của các đơn vị điều tra trên địa bàn tỉnh, tính bằng %;

+  $dt_{ij}$ : Diện tích cây lâu năm  $j$  theo độ tuổi trồng tập trung của đơn vị điều tra thứ  $i$  trong kỳ điều tra, tính bằng ha;

+  $d_{ij}$ : Diện tích cây lâu năm  $j$  trồng tập trung trong kỳ điều tra của đơn vị điều tra thứ  $i$ , tính bằng ha.



7.3.3 Tỷ lệ sản lượng sản phẩm cây lâu năm sử dụng cho mục đích tiêu thụ tại hộ trên tổng sản lượng hộ sản xuất ra trong kỳ điều tra (gọi tắt là tỷ lệ tự tiêu thụ) theo từng loại cây

Tỷ lệ tự tiêu thụ được tính theo công thức:

$$W_j = \frac{\sum_{i=1}^m stt_{ij}}{\sum_{i=1}^m Ssx_{ij}} * 100 \quad j = \overline{1, n} \quad (15)$$

Trong đó:

+  $W_j$ : Tỷ lệ tự tiêu thụ cây lâu năm  $j$  trong kỳ điều tra của các hộ mẫu trên địa bàn tỉnh, tính bằng %;

+  $stt_{ij}$ : Sản lượng sản phẩm cây lâu năm  $j$  của hộ mẫu thứ  $i$  sử dụng cho mục đích tiêu dùng tại hộ trong kỳ điều tra, tính bằng kg;

+  $Ssx_{ij}$ : Sản lượng sản phẩm cây lâu năm  $j$  của hộ mẫu thứ  $i$  sản xuất trong kỳ điều tra, tính bằng kg.

7.3.4. Đơn giá bình quân 01 đơn vị sản phẩm cây lâu năm theo từng loại cây

7.3.4.1. Đơn giá bình quân 01 đơn vị sản phẩm cây lâu năm bán ra trong kỳ điều tra theo từng loại cây của DN/HTX/ĐVSN trên địa bàn tỉnh

Công thức tính:

$$\overline{Pd}_j = \frac{\sum_{i=1}^m Tds_{ij}}{\sum_{i=1}^m Sds_{ij}} \quad j = \overline{1, n} \quad (16)$$

Trong đó:

+  $\overline{Pd}_j$ : Đơn giá bình quân 1 đơn vị sản phẩm cây lâu năm  $j$  trên địa bàn tỉnh của DN/HTX/ĐVSN bán ra trong kỳ điều tra, tính bằng đồng/kg;

+  $Tds_{ij}$ : Doanh thu sản phẩm cây lâu năm  $j$  bán ra của DN/HTX/ĐVSN thứ  $i$  trong kỳ điều tra, tính bằng đồng;

+  $Sds_{ij}$ : Sản lượng cây lâu năm  $j$  bán ra của DN/HTX/ĐVSN thứ  $i$ , tính bằng kg.

7.3.4.2. Đơn giá bình quân 01 đơn vị sản phẩm cây lâu năm bán ra trong kỳ điều tra theo từng loại cây của hộ trên địa bàn tỉnh

Công thức tính:

$$\overline{Ph}_j = \frac{\sum_{i=1}^m Ths_{ij}}{\sum_{i=1}^m Shs_{ij}} \quad j = \overline{1, n} \quad (17)$$

Trong đó:

+  $\overline{Ph}_j$ : Đơn giá bình quân 1 đơn vị sản phẩm cây lâu năm  $j$  trên địa bàn tỉnh của hộ bán ra trong kỳ điều tra, tính bằng đồng/kg;

+  $Ths_{ij}$ : Doanh thu sản phẩm cây lâu năm  $j$  của hộ thứ  $i$  bán ra trong kỳ điều tra, tính bằng đồng;

+  $Shs_{ij}$ : Sản lượng cây lâu năm  $j$  của hộ thứ  $i$  bán ra trong kỳ điều tra, tính bằng kg.

7.3.4.3. Đơn giá bình quân 01 đơn vị sản phẩm cây lâu năm bán ra trong kỳ điều tra theo từng loại cây trên địa bàn tỉnh

Công thức tính:

$$\overline{P}_j = \frac{\overline{Pd}_j * Sd_j + \overline{Ph}_j * Sh_j}{St_j} \quad j = \overline{1, n} \quad (18)$$

Trong đó:

+  $\overline{P}_j$ : Đơn giá bình quân 1 đơn vị sản phẩm cây lâu năm  $j$  bán ra trong kỳ điều tra trên địa bàn tỉnh, tính bằng đồng/kg;

+  $\overline{Pd}_j$ : Đơn giá bình quân 1 đơn vị sản phẩm cây lâu năm  $j$  trên địa bàn tỉnh của DN/HTX/ĐVSN bán ra trong kỳ điều tra, tính bằng đồng/kg;

+  $\overline{Ph}_j$ : Đơn giá bình quân 1 đơn vị sản phẩm cây lâu năm  $j$  trên địa bàn tỉnh của hộ bán ra trong kỳ điều tra, tính bằng đồng/kg;

+  $Sd_j$ : Sản lượng sản phẩm cây lâu năm  $j$  của DN/HTX/ĐVSN toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

+  $Sh_j$ : Sản lượng sản phẩm cây lâu năm  $j$  của hộ/tổ chức khác toàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn;

+  $St_j$ : Sản lượng sản phẩm cây lâu năm  $j$  của tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng tấn.

7.3.5. Giá trị sản phẩm phụ cây lâu năm bình quân một đơn vị diện tích cho sản phẩm theo từng loại cây trong kỳ điều tra của các đơn vị điều tra

7.3.5.1. Đơn giá bình quân một đơn vị sản phẩm phụ của các đơn vị điều tra theo từng loại cây trên địa bàn tỉnh

7.3.5.1.1. Đơn giá gỗ

Công thức tính:

$$\overline{Ppg}_j = \frac{\sum_{i=1}^m Tpgs_{ij}}{\sum_{i=1}^m Spgs_{ij}} \quad j = \overline{1, n} \quad (19)$$

Trong đó:

+  $\overline{Ppg}_j$ : Đơn giá bình quân 1 m<sup>3</sup> gỗ cây lâu năm  $j$  trên địa bàn tỉnh của các đơn vị điều tra bán ra trong kỳ điều tra, tính bằng đồng/m<sup>3</sup>;



+  $T_{pgs_{ij}}$ : Doanh thu từ bán gỗ cây lâu năm  $j$  của đơn vị điều tra thứ  $i$  trong kỳ điều tra, tính bằng đồng;

+  $S_{pgs_{ij}}$ : Sản lượng gỗ cây lâu năm  $j$  của đơn vị điều tra thứ  $i$  bán ra trong kỳ điều tra, tính bằng  $m^3$ .

#### 7.3.5.1.2. Đơn giá củi, đơn giá sản phẩm phụ khác

Đơn giá củi, sản phẩm phụ khác được tính tương tự như đơn giá gỗ và áp dụng công thức (19).

Ký hiệu đơn giá củi là  $\overline{Ppc}_j$ , tính bằng đồng/kg.

Ký hiệu đơn giá sản phẩm phụ khác là  $\overline{Ppk}_j$ , tính bằng đồng/kg.

7.3.5.2. Giá trị sản phẩm phụ cây lâu năm bình quân một đơn vị diện tích cho sản phẩm theo từng loại cây

Công thức tính:

$$\overline{Tp}_j = \frac{S_{pg_j} * \overline{Ppg}_j + S_{pc_j} * \overline{Ppc}_j + S_{pk_j} * \overline{Ppk}_j}{D_j} \quad j = \overline{1, n} \quad (20)$$

Trong đó:

+  $\overline{Tp}_j$ : Giá trị sản phẩm phụ cây lâu năm  $j$  bình quân 1 ha diện tích cho sản phẩm của các đơn vị điều tra trên địa bàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng đồng/ha;

+  $\overline{Ppg}_j$ : Đơn giá bình quân 1  $m^3$  gỗ cây lâu năm  $j$  trên địa bàn tỉnh của các đơn vị điều tra bán ra trong kỳ điều tra, tính bằng đồng/ $m^3$ ;

+  $\overline{Ppc}_j$ : Đơn giá bình quân 1 kg củi cây lâu năm  $j$  trên địa bàn tỉnh của các đơn vị điều tra bán ra trong kỳ điều tra, tính bằng đồng/kg;

+  $\overline{Ppk}_j$ : Đơn giá bình quân 1 kg sản phẩm phụ khác cây lâu năm  $j$  trên địa bàn tỉnh của các đơn vị điều tra bán ra trong kỳ điều tra, tính bằng đồng/kg;

+  $S_{pg_{ij}}$ : Tổng sản lượng gỗ cây lâu năm  $j$  của các đơn vị điều tra thu hoạch trong kỳ điều tra, tính bằng  $m^3$ ;

+  $S_{pc_{ij}}$ : Tổng sản lượng củi cây lâu năm  $j$  của các đơn vị điều tra thu hoạch trong kỳ điều tra, tính bằng kg;

+  $S_{pk_{ij}}$ : Tổng sản lượng sản phẩm phụ khác cây lâu năm  $j$  của các đơn vị điều tra thu hoạch trong kỳ điều tra, tính bằng kg;

+  $D_j$ : Tổng diện tích cho sản phẩm cây lâu năm  $j$  của các đơn vị điều tra, tính bằng ha.

#### 7.3.6. Suy rộng sản lượng gỗ cao su từ vườn cây thanh lý

7.3.6.1. Tính sản lượng gỗ cao su thu từ vườn cây thanh lý bình quân một ha của các đơn vị điều tra trên địa bàn tỉnh

Công thức tính:

$$\overline{Gcs} = \frac{\sum_{i=1}^m gcs_i}{\sum_{i=1}^m dtl_i} \quad (21)$$

Trong đó:

+  $\overline{Gcs}$ : Sản lượng gỗ cao su thanh lý trong kỳ điều tra bình quân 1 ha cao su thanh lý của các đơn vị điều tra, tính bằng  $m^3/ha$ ;

+  $gcs_i$ : Sản lượng gỗ cao su thanh lý trong kỳ điều tra của đơn vị điều tra thứ  $i$ , tính bằng  $m^3$ ;

+  $dtl_i$ : Diện tích cây cao su thanh lý trong kỳ điều tra của đơn vị điều tra thứ  $i$ , tính bằng ha.

### 7.3.6.2. Suy rộng sản lượng gỗ cao su thanh lý toàn tỉnh

Công thức tính:

$$Gcs = \overline{Gcs} * Dcs_{tj} \quad (22)$$

Trong đó:

+  $Gcs$ : Sản lượng gỗ cao su thanh lý trong kỳ điều tra của toàn tỉnh, tính bằng  $m^3$ ;

+  $\overline{Gcs}$ : Sản lượng gỗ cao su thanh lý trong kỳ điều tra bình quân 1 ha cao su thanh lý của các đơn vị điều tra, tính bằng  $m^3/ha$ ;

+  $Dcs_{tj}$ : Diện tích cao su thanh lý trong kỳ điều tra của tỉnh, tính bằng ha.

### 7.3.7. Sản lượng thu hoạch từng loại cây lâu năm của các đơn vị không thuộc đối tượng điều tra (đơn vị an ninh, quốc phòng)

Cục Thống kê sử dụng các nguồn thông tin khác ở địa phương để ước tính diện tích cây lâu năm trồng tập trung cho sản phẩm của các đơn vị không thuộc đối tượng điều tra theo từng loại cây. Diện tích của các đơn vị này được ước lượng từng năm (khi có kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản thì được phân bổ lại) để tính sản lượng cây lâu năm.

Công thức tính:

$$Sk_j = \bar{x}_j * Dk_j * \frac{1}{10} \quad j = \overline{1, n} \quad (23)$$

Trong đó:

+  $Sk_j$ : Sản lượng cây lâu năm  $j$  trồng tập trung trên diện tích cho sản phẩm trong kỳ điều tra của các đơn vị không thuộc đối tượng điều tra, tính bằng tấn;

+  $\bar{x}_j$ : Năng suất bình quân một ha cây lâu năm  $j$  trên diện tích trồng tập trung cho sản phẩm của hộ mẫu trong kỳ điều tra, tính bằng tạ/ha;

+  $Dk_j$ : Diện tích cây lâu năm  $j$  trồng tập trung cho sản phẩm trong kỳ điều tra của các đơn vị không thuộc đối tượng điều tra, tính bằng ha.



### 7.3.8. Tổng hợp chi phí thời kỳ kiến thiết cơ bản cây lâu năm trọng điểm

#### 7.3.8.1 Tổng hợp chi phí thời kỳ kiến thiết cơ bản theo từng loại cây lâu năm trọng điểm trong kỳ điều tra của DN/HTX/ĐVSN

Chi phí thời kỳ kiến thiết cơ bản theo từng loại cây lâu năm trọng điểm của DN/HTX/ĐVSN trong năm điều tra được cộng từ chi phí trồng mới, chi phí chăm sóc từng năm tuổi của từng DN/HTX/ĐVSN trong giai đoạn kiến thiết cơ bản, tính theo công thức:

$$TCDNkt_j = \sum_{i=1}^m TCDNkt_{ij} \quad j = \overline{1, n} \quad (24)$$

Trong đó:

+  $TCDNkt_j$ : Chi phí thời kỳ kiến thiết cơ bản của DN/HTX/ĐVSN cây lâu năm  $j$  trên địa bàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng triệu đồng/ha;

+  $TCDNkt_{ij}$ : Chi phí kiến thiết cơ bản cây lâu năm  $j$  trong kỳ điều tra, năm thứ  $i$ , của từng DN/HTX/ĐVSN, tính bằng triệu đồng/ha.

#### 7.3.8.2 Tính chi phí thời kỳ kiến thiết cơ bản cây lâu năm trọng điểm trên địa bàn tỉnh của hộ/tổ chức khác

##### 7.3.8.2.1 Tính chi phí trồng mới, chăm sóc năm thứ nhất bình quân 01 ha của các hộ mẫu

Công thức tính:

$$\overline{TCHtm}_j = \frac{\sum_{i=1}^m TCHtm_{ij}}{\sum_{i=1}^m dHtm_{ij}} * 10 \quad j = \overline{1, n} \quad (25)$$

Trong đó:

+  $\overline{TCHtm}_j$ : Chi phí trồng mới và chăm sóc năm thứ nhất bình quân 01 ha cây lâu năm  $j$  của các hộ mẫu trên địa bàn tỉnh, trong kỳ điều tra, tính bằng triệu đồng/ha;

+  $TCHtm_{ij}$ : Chi phí trồng mới và chăm sóc năm thứ nhất cây lâu năm  $j$  của hộ mẫu thứ  $i$  trong kỳ điều tra, tính bằng 1000 đồng;

+  $dHtm_{ij}$ : Diện tích trồng mới và chăm sóc năm thứ nhất cây lâu năm  $j$  của hộ mẫu thứ  $i$  trong kỳ điều tra, tính bằng  $m^2$ .

##### 7.3.8.2.2 Tính chi phí chăm sóc bình quân 01 ha cây lâu năm $j$ từng độ tuổi từ năm tuổi thứ 2 đến năm tuổi thứ $k$ ( $k = \overline{2, 7}$ tùy theo tiêu chuẩn kỹ thuật từng loại cây lâu năm) của các hộ mẫu trong kỳ điều tra

Tính riêng cho từng độ tuổi (năm tuổi  $k = \overline{2, 7}$ ) đối với từng cây lâu năm.

Công thức tính:

$$\overline{TCHkt}_{kj} = \frac{\sum_{i=1}^m TCHkt_{ij}}{\sum_{i=1}^m dHkt_{ij}} * 10 \quad j = \overline{1, n} \quad (26)$$

Trong đó:

+  $\overline{TCHkt}_{kj}$ : Chi phí chăm sóc năm thứ k bình quân 01 ha cây lâu năm j của các hộ mẫu trên địa bàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng triệu đồng/ha;

+  $TCHkt_{ij}$ : Chi phí chăm sóc năm thứ k cây lâu năm j của hộ mẫu thứ i trong kỳ điều tra, tính bằng 1000 đồng;

+  $dHkt_{ij}$ : Diện tích chăm sóc năm thứ k cây lâu năm j của hộ mẫu thứ i trong kỳ điều tra, tính bằng m<sup>2</sup>.

7.3.8.2.3 Tính chi phí kiến thiết cơ bản bình quân một năm 01 ha cây lâu năm j giai đoạn từ năm tuổi thứ 2 đến năm tuổi thứ k trong kỳ điều tra

Công thức tính:

$$\overline{TCHkt}_j = \frac{\sum_{k=2}^7 \overline{TCHkt}_{kj}}{h} \quad j = \overline{1, n} \quad (27)$$

Trong đó:

+  $\overline{TCHkt}_j$ : Chi phí chăm sóc bình quân một năm trên 01 ha cây lâu năm j giai đoạn kiến thiết cơ bản từ năm thứ 2 đến năm thứ k của các hộ mẫu trên địa bàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng triệu đồng/ha;

+  $\overline{TCHkt}_{kj}$ : Chi phí chăm sóc bình quân năm thứ k trên 01 ha cây lâu năm j của các hộ mẫu trên địa bàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng triệu đồng/ha;

+ h: Số năm kiến thiết cơ bản từ năm thứ 2 đến năm thứ k cây lâu năm j.

7.3.8.2.4. Tổng hợp chi phí thời kỳ kiến thiết cơ bản theo từng loại cây lâu năm trọng điểm trong kỳ điều tra của các hộ/tổ chức khác

7.3.8.2.4.1. Suy rộng chi phí trồng mới, chăm sóc cây lâu năm trọng điểm năm tuổi thứ nhất trong kỳ điều tra

Sử dụng kết quả cuộc Điều tra diện tích cây trồng nông nghiệp và Điều tra năng suất, sản lượng cây lâu năm để suy rộng kết quả điều tra.

Công thức tính:

$$TCHtm_j = \overline{TCHtm}_j * Dtm_j \quad j = \overline{1, n} \quad (28)$$

+  $TCHtm_j$ : Chi phí trồng mới, chăm sóc cây lâu năm j năm tuổi thứ 1 của hộ/tổ chức khác trên địa bàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng triệu đồng;

+  $\overline{TCHtm}_j$ : Chi phí trồng mới và chăm sóc bình quân 01 ha cây lâu năm j trong kỳ điều tra của các hộ mẫu trên địa bàn tỉnh, tính bằng triệu đồng/ha;



+  $D_{tm_j}$ : Diện tích trồng mới cây lâu năm  $j$  trên địa bàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng ha.

7.3.8.2.4.2. Suy rộng chi phí chăm sóc cây lâu năm trọng điểm thời kỳ kiến thiết cơ bản từ năm tuổi thứ 2 đến năm tuổi thứ  $k$  trong kỳ điều tra

7.3.8.2.4.2.1. Tính diện tích cây lâu năm trọng điểm trong thời kỳ kiến thiết cơ bản từ năm thứ 2 đến năm thứ  $k$

Công thức tính:

$$D_{kt_j} = D_{gt_j} - (D_j + D_{tm_j}) \quad j = \overline{1, n} \quad (29)$$

+  $D_{kt_j}$ : Diện tích cây lâu năm trọng điểm  $j$  trong thời kỳ kiến thiết cơ bản từ năm thứ 2 đến năm thứ  $k$  của tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng ha;

+  $D_{gt_j}$ : Diện tích gieo trồng cây lâu năm trọng điểm  $j$  của tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng ha;

+  $D_j$ : Diện tích cho sản phẩm cây lâu năm  $j$  của tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng ha;

+  $D_{tm_j}$ : Diện tích trồng mới cây lâu năm  $j$  trên địa bàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng ha.

7.3.8.2.4.2.2. Suy rộng chi phí chăm sóc cây lâu năm trọng điểm thời kỳ kiến thiết cơ bản từ năm tuổi thứ 2 đến năm tuổi thứ  $k$

Công thức tính:

$$TCH_{kt_j} = \overline{TCH}_{kt_j} * D_{kt_j} \quad j = \overline{1, n} \quad (30)$$

+  $TCH_{kt_j}$ : Chi phí chăm sóc cây lâu năm trọng điểm thời kỳ kiến thiết cơ bản từ năm tuổi thứ 2 đến năm tuổi thứ  $k$  của hộ/tổ chức khác trên địa bàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng triệu đồng;

+  $\overline{TCH}_{kt_j}$ : Chi phí chăm sóc bình quân một năm trong thời kỳ kiến thiết cơ bản từ năm thứ 2 đến năm thứ  $k$  01 ha cây lâu năm  $j$  của các hộ mẫu trên địa bàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng triệu đồng/ha;

+  $D_{kt_j}$ : Diện tích cây lâu năm trọng điểm  $j$  trong thời kỳ kiến thiết cơ bản từ năm thứ 2 đến năm thứ  $k$  của tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng ha.

7.3.8.3 Tổng hợp chi phí thời kỳ kiến thiết cơ bản theo từng loại cây trên địa bàn tỉnh

Công thức tính:

$$TC_j = TCDN_{kt_j} + TCH_{tm_j} + TCH_{kt_j} \quad j = \overline{1, n} \quad (31)$$

Trong đó:

+  $TC_j$ : Chi phí thời kỳ kiến thiết cơ bản cây lâu năm  $j$  trên địa bàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng triệu đồng;



+ TCDNkt<sub>j</sub>: Chi phí kiến thiết cơ bản cây lâu năm j của DN/HTX/ĐVSN trên địa bàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng triệu đồng;

+ TCHtm<sub>j</sub>: Chi phí trồng mới, chăm sóc cây lâu năm j năm tuổi thứ 1 trên địa bàn tỉnh của hộ/tổ chức khác trong kỳ điều tra, tính bằng triệu đồng;

+ TCHKt<sub>j</sub>: Chi phí chăm sóc bình quân một năm trên 01 ha cây lâu năm j giai đoạn kiến thiết cơ bản từ năm thứ 2 đến năm thứ k của các hộ mẫu trên địa bàn tỉnh trong kỳ điều tra, tính bằng triệu đồng/ha.

#### 7.4. Biểu đầu ra

Kết quả điều tra được tổng hợp cho cấp tỉnh và toàn quốc theo hệ thống biểu tổng hợp do Tổng cục Thống kê biên soạn và cài đặt trong phần mềm xử lý kết quả điều tra cây lâu năm.

### 8. Kế hoạch tiến hành điều tra

#### Bước 1. Chuẩn bị điều tra

- Thời gian thực hiện: 30 ngày trước thời điểm điều tra.

- Nội dung thực hiện:

+ Bổ sung, sửa đổi phương án điều tra (nếu có); triển khai, hướng dẫn phương án điều tra ở cấp tỉnh, huyện; rà soát các đơn vị điều tra; chọn mẫu điều tra;

+ Xây dựng và cập nhật hệ thống biểu đầu ra, chương trình phần mềm, chương trình kiểm tra và tổng hợp kết quả điều tra cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và toàn quốc;

+ Lựa chọn điều tra viên, giám sát viên các cấp theo tiêu chuẩn quy định. Bên cạnh những tiêu chuẩn chung, cần chú ý lựa chọn những người nắm rõ tình hình sản xuất nông nghiệp tại địa bàn; nắm rõ quy trình trồng chăm sóc và thu hoạch cây lâu năm.

+ Tập huấn nghiệp vụ cho điều tra viên, giám sát viên các cấp (nếu có).

#### Bước 2. Triển khai điều tra

Thực hiện thu thập thông tin trong 10 ngày từ thời điểm điều tra.

#### Bước 3. Nghiệm thu, tổng hợp, xử lý số liệu

- Thời gian thực hiện: 20 ngày sau khi kết thúc thu thập số liệu.

- Nội dung thực hiện:

+ Kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu số lượng và chất lượng phiếu điều tra;

+ Kiểm tra thông tin các đơn vị tự thực hiện phiếu trực tuyến: xác minh thông tin đầy đủ, chính xác rồi mới chấp nhận phiếu điều tra.

+ Kiểm tra, xử lý số liệu nhập tin, tổng hợp số liệu, báo cáo giải trình.

#### Bước 4. Tổng hợp, phân tích và công bố kết quả điều tra

Tổng cục Thống kê tổng hợp, phân tích và công bố kết quả của cuộc điều tra sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc rà soát số liệu, nhận số liệu từ các Cục Thống kê.

## **9. Tổ chức điều tra**

### **9.1. Cấp Trung ương**

a) Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và nghiệm thu khối lượng, chất lượng phiếu điều tra, biểu tổng hợp của các địa phương thực hiện cuộc điều tra theo quy định của Phương án này. Phối hợp với đơn vị xây dựng phần mềm thực hiện xây dựng phần mềm xử lý kết quả điều tra.

b) Vụ Kế hoạch tài chính chủ trì và phối hợp với Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản bảo đảm kinh phí điều tra; cấp phát, hướng dẫn định mức chi tiêu, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được cấp.

c) Vụ Pháp chế và Thanh tra Thống kê hướng dẫn các cục Thống kê và phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát, thanh tra cuộc điều tra này.

d) Vụ Phương pháp chế độ Thống kê và Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản lựa chọn đơn vị xây dựng phần mềm xử lý kết quả cuộc điều tra.

### **9.2. Cấp địa phương**

Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc triển khai thực hiện cuộc điều tra theo phương án, đảm bảo chất lượng thông tin thu thập, quản lý và sử dụng kinh phí điều tra đúng chế độ, hiệu quả.

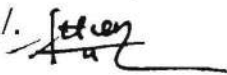
Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tăng cường kiểm tra, giám sát nâng cao chất lượng thông tin; tiến hành phúc tra đối với những địa bàn và đơn vị có tăng, giảm đột biến về diện tích, năng suất, sản lượng sản phẩm cây lâu năm hoặc có biểu hiện vi phạm phương pháp điều tra.

## **10. Kinh phí và các điều kiện vật chất cho điều tra**

Kinh phí điều tra từ nguồn ngân sách Nhà nước do Tổng cục Thống kê phân bổ trong kinh phí điều tra thường xuyên để thực hiện những nội dung theo phương án điều tra. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các văn bản hướng dẫn của Tổng cục Thống kê.



Vụ trưởng Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh văn phòng Tổng cục, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được phân bổ theo chế độ tài chính hiện hành, đảm bảo điều kiện để thực hiện tốt cuộc điều tra./.



**TỔNG CỤC TRƯỞNG**



**Nguyễn Bích Lâm**